

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng
thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk
đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Quảng Phú, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Cư M'gar tại Tờ trình số 12/TTr-UBND ngày 19/01/2024 và Báo cáo thẩm định số 03/BC-SXD ngày 03/01/2024 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 tại Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh, với nội dung như sau:

1. Đính chính lại số liệu (*Đính chính: diện tích lô đất trụ sở cơ quan ký hiệu CQ-09, diện tích 3,9ha thành 3,11ha; diện tích lô đất cây xanh ký hiệu CX-18, diện tích 15,32ha thành 11,48ha*); theo đó, điều chỉnh nội dung cơ cấu sử dụng đất tại điểm 6.2 khoản 6 Điều 1 Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh như sau:

“6.2. Cơ cấu sử dụng đất đai:

TT	Hạng mục	Quy hoạch					
		Năm 2025			Năm 2035		
		Diện tích	Tỷ lệ	Bình quân	Diện tích	Tỷ lệ	Bình quân
		(Ha)	(%)	(m ² /ng)	(Ha)	(%)	(m ² /ng)
	Tổng diện tích đất tự nhiên thị trấn	973,00	100,00	-	973,00	100,00	-
A	Tổng diện tích đất trong phạm vi nghiên cứu	644,70	66,26	-	644,70	66,26	-
	- Đất xây dựng đô thị	518,56	53,29	-	636,83	65,45	-
	- Đất khác	126,14	12,96	-	7,87	0,81	-
I	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị	518,56	100,00	148,16	636,83	100,00	181,95
1.1	Đất dân dụng	367,93	70,95	105,12	470,67	73,91	134,48
1.1.1	Đất các đơn vị ở	168,87	32,57	48,25	200,20	31,44	57,20
1.1.2	Đất công trình công cộng	58,98	11,37	16,85	73,69	11,57	21,05
1.1.3	Đất giao thông đối nội	97,99	18,90	28,00	121,71	19,11	34,77
1.1.4	Đất cây xanh công cộng (quảng trường, công viên, vườn hoa, mặt nước, sân thể thao công cộng, ...)	42,09	8,12	12,03	75,07	11,79	21,45
1.2	Đất ngoài dân dụng	150,63	29,05	43,04	166,16	26,09	47,47
1.2.1	Đất giao thông đối ngoại	21,39	4,12	6,11	29,80	4,68	8,51
1.2.2	Đất cơ quan	12,31	2,37	3,52	12,31	1,93	3,52

TT	Hạng mục	Quy hoạch					
		Năm 2025			Năm 2035		
		Diện tích	Tỷ lệ	Bình quân	Diện tích	Tỷ lệ	Bình quân
		(Ha)	(%)	(m ² /ng)	(Ha)	(%)	(m ² /ng)
1.2.3	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	1,33	0,26	0,38	1,33	0,21	0,38
1.2.4	Đất cây xanh cách ly	-	-	-	14,62	2,30	4,18
1.2.5	Đất an ninh quốc phòng	14,12	2,72	4,03	14,12	2,22	4,03
1.2.6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	2,32	0,45	0,66	2,32	0,36	0,66
1.2.7	Đất vườn trong lô đất ở	99,16	19,12	28,33	91,66	14,39	26,19
II	Đất khác trong khu vực nghiên cứu	126,14	24,33	-	7,87	1,24	-
2.1	Đất sản xuất nông nghiệp	118,27	22,81	-	-	-	-
2.2	Đất rừng phòng hộ	7,87	1,52	-	7,87	1,24	-
B	Tổng diện tích đất ngoài phạm vi thiết kế	328,30	33,74	-	328,30	33,74	-
1.1	Đất giao thông	3,87	0,40	-	28,90	2,97	-
1.2	Đất dự trữ phát triển	106,32	10,93	-	106,32	10,93	-
1.3	Đất nghĩa trang	7,12	0,73	-	7,12	0,73	-
1.4	Đất sông suối, mặt nước	5,59	0,57	-	5,59	0,57	-
1.5	Đất trồng cây lâu năm	185,78	19,09	-	160,75	16,52	-
1.6	Đất rừng phòng hộ	19,62	2,02	-	19,62	2,02	-

2. Điều chỉnh chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng trục đường Đ30 (đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài) tại phụ lục 04 ban hành kèm theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh, cụ thể:

- Đường Đ30 (đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài): lộ giới 20,5m (lòng đường 5,25mx2, vỉa hè 5,0mx2).

- Khoảng lùi công trình so với chỉ giới đường đỏ đường Đ30 theo đường Nguyễn Thị Minh Khai.

3. Điều chỉnh cục bộ tại 6 vị trí với nội dung cụ thể: *Có Phụ lục kèm theo.*

4. Các nội dung khác không điều chỉnh, tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND tỉnh.

Điều 2. UBND huyện Cư M'gar có trách nhiệm thông báo công khai nội dung điều chỉnh nêu trên, để nhân dân trong khu vực được biết, thực hiện và giám sát.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Cư M'gar và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (V-3).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh